| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẦN GIUỘC**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 178/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 31 - 12 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đặng Văn Vững;

2. Ông Phạm Minh Hiếu;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 612/2024/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1971 (Xin vắng mặt);

Cư trú: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An;

- *Bị đơn:* Ông Ngô Ngọc D, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

Cư trú: Ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Long An;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:* Bà và ông Ngô Ngọc D tự nguyện sống chung với nhau vào khoảng năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không có hạnh phúc. Bà đã nhiều lần thương lượng, hòa giải với ông D nhưng không có cải thiện. Cách đây 06 năm, bà đã bỏ về nhà mẹ ruột của bà sinh sống cho đến nay, bà và ông D mỗi người có cuộc sống sinh riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Ngọc D.

Về con chung: Bà và ông D có 03 người con tên Ngô Thị Tuyết N, sinh năm 2001; Ngô Ngọc G, sinh năm 1993 và Ngô Ngọc D1, sinh năm 1991. Các con đã thành niên, bà không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông D không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị H xin vắng mặt tại phiên tòa.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Ngọc D trình bày:* Ông và bà Lê Thị H sống chung từ năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn nên cách đây khoảng 05 năm thì bà H đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai nữa. Nay, bà H yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, ông thống nhất theo lời trình bày của bà H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền của Tòa án: Bà Lê Thị H khởi kiện ly hôn với ông Ngô Ngọc D, ông D có nơi cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Ngô Ngọc D tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1990 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là không tuân thủ pháp luật về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, điểm b, c Khoản 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, quá trình chung sống của bà H và ông D không đủ điều kiện để được pháp luật công nhận là vợ chồng và không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị H và ông Ngô Ngọc D.

[2.2] Quan hệ con chung: Bà H và ông D xác định ông bà có 03 người con chung tên Ngô Thị Tuyết N, sinh năm 2001; Ngô Ngọc G, sinh năm 1993 và Ngô Ngọc D1, sinh năm 1991. Các con đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung.

[2.3] Quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông D xác định ông bà không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề này.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với ông Ngô Ngọc D. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị H và ông Ngô Ngọc D.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tạm ứng án phí bà Lê Thị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013540 ngày 23/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, chuyển sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THA huyện Cần Giuộc;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tô Cẩm Hương**